

CHỨC NĂNG XÃ HỘI TRONG NGHI LỄ VÒNG ĐỜI CỦA NGƯỜI KHMER Ở NAM BỘ

DANH LÙNG*

Nghi lễ vòng đời của người Khmer ở Nam Bộ được thực hiện dành cho mỗi cá nhân kể từ khi chuẩn bị sinh ra đến lúc qua đời, gồm các nghi lễ như liên quan đến việc sanh nở, đầy tháng, xuất gia, vào bóng mát, hôn lễ, chúc thọ và tang lễ. Mỗi nghi lễ đều thực hiện nhiều nghi thức quan trọng. Những nghi thức này không chỉ dành cho cá nhân người thụ hưởng nghi lễ mà còn biểu thị các chức năng xã hội nhằm duy trì sự toàn vẹn hệ thống xã hội tộc người. Các chức năng xã hội được thể hiện qua nghi lễ vòng đời của người Khmer gồm: biểu thị chuẩn mực của cộng đồng xã hội, mang tính giáo dục và cố kết cộng đồng, giữ gìn văn hóa truyền thống của tộc người. Bài viết dựa trên quan điểm chức năng xã hội của Alfred Radcliffe - Brown (1881-1955) để phân tích nguồn tư liệu thứ cấp và sơ cấp do chúng tôi thu thập trong các cuộc điền dã tại một số địa bàn trong thời gian từ 2017 - 2019.

Từ khóa: nghi lễ vòng đời, chức năng xã hội, văn hóa truyền thống của tộc người

Nhận bài ngày: 21/4/2020; *đưa vào biên tập:* 21/5/2020; *phản biện:* 29/5/2020; *duyet đăng:* 22/7/2020

1. DẪN NHẬP

Người Khmer ở Việt Nam hiện nay có khoảng 1.319.652 người (Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2019: 160), tập trung ở Nam Bộ, đa số sống bằng nghề nông. Người Khmer thờ Arak (thần bảo vệ), Neakta (thần bảo hộ), Prô lưng (linh hồn); và đặc biệt là có trên 90% người Khmer theo Phật giáo Nam tông, thờ Phật Thích Ca. Do đó, các nghi lễ của người Khmer, đặc biệt là nghi lễ liên quan đến vòng đời đều chịu sự chi phối bởi quan điểm của Phật giáo Nam tông. Điều này đã

được thể hiện rất rõ qua một số nghiên cứu của Trần Văn Bốn (2002), Đặng Thị Kim Oanh (2008), Mai Thị Ngọc Diệp (2008). Tuy nhiên, phân tích nghi lễ vòng đời của người Khmer dưới chức năng xã hội vẫn còn là vấn đề ít được đề cập đến.

Để tiếp cận chủ đề này, chúng tôi đã tiến hành điền dã dân tộc học, bao gồm quan sát tham dự và phỏng vấn sâu tại cộng đồng Khmer ở Nam Bộ nói chung và ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng trong nhiều năm qua, nhất là trong 3 năm (2017 - 2019) để thu thập dữ liệu. Bản thân tác giả là chức sắc trong Phật giáo Nam tông của người Khmer Nam Bộ nên cũng

* Chùa Chantarangsây, Thành phố Hồ Chí Minh.

có nhiều thuận lợi trong việc thu thập và phân tích các dữ liệu liên quan. Quan điểm được vận dụng trong bài viết là *chức năng cấu trúc* (structural functionalism) của Alfred Radcliffe - Brown (1881 - 1955). Đây là quan điểm nghiên cứu về chức năng xã hội nhằm kiểm chứng việc duy trì sự ổn định chung của xã hội (Radcliffe-Brown, 1940). Quan điểm này nhấn mạnh đến việc phân tích chức năng của tập tục trong sự ổn định xã hội bằng cách khám phá cách thức thực hành tập tục để duy trì sự ổn định đó. Theo Radcliffe- Brown (1957), chức năng của thực tiễn và tập tục xã hội là duy trì cấu trúc xã hội tổng thể. Bài viết gồm hai phần chính: diễn trình các nghi lễ liên quan đến đời người của người Khmer ở Nam Bộ và chức năng của các nghi lễ này được thể hiện trong đời sống xã hội của người Khmer ở Nam Bộ.

2. DIỄN TRÌNH CÁC NGHI LỄ VÒNG ĐỜI CỦA NGƯỜI KHMER Ở NAM BỘ

Theo chúng tôi, con người, dù theo tôn giáo nào hay ở giai tầng nào trong xã hội, cũng đều trải qua các nghi lễ liên quan đến cuộc đời. Các nghi lễ này được thực hiện nhằm đánh dấu các mốc thời gian quan trọng của đời người (từ khi chuẩn bị sinh ra đến khi mất đi), nên gọi là *các nghi lễ vòng đời*. Các nghi lễ này được thực hiện với sự hợp nhất về văn hóa - tín ngưỡng - tôn giáo của mỗi dân tộc.

Các nghi lễ vòng đời của người Khmer ở Nam Bộ hiện nay là: sinh nở,

đầy tháng, xuất gia, vào bóng mát, hôn lễ, chúc thọ, tang lễ.

* *Lễ liên quan đến sinh nở*

Sinh nở là việc rất gian nan và hiểm nguy cả về mặt thể chất lẫn tinh thần không chỉ của người mẹ mà cả những người trong gia đình. Người Khmer gọi việc sinh nở là *Chlon Tôn Lê*, nghĩa là qua sông, qua biển - một hành trình đầy gian khó. Để đưa trẻ ra đời được bình an, trong những ngày sắp sinh, ngoài việc chuẩn bị về thuốc men và những vật dụng cần thiết, người nhà (thường là chồng của người phụ nữ mang thai) còn đến chùa nhờ các vị tăng, hoặc vị Achar tụng kinh gia hộ. Các vị này sẽ tụng kinh cầu sự bình an cho người phụ nữ và đứa trẻ, kế tiếp lấy một ly nước và trì chú vào ly nước đó. Câu trì chú “SukhinThotusuppavāsā kōliya dhītā arogā arokaṃ puttamvijātu” được trích trong *Kinh Pháp cú* (quyển 8, 218) (cầu cho phụ nữ đang sinh con như mặt trời đang mọc lên, không có sợ hãi, được an vui, con gái cũng không có bệnh tật, con trai cũng không có bệnh tật). Câu trì chú được đọc 9 lần, sau đó đưa ly nước cho người chồng đem về cho vợ uống với mong muốn sinh nở được dễ dàng, đứa trẻ khi ra đời được khỏe mạnh, không bệnh tật. Điều này cho thấy, nghi lễ này không chỉ dành cho thai phụ mà còn dành cho đứa trẻ đang còn trong bụng mẹ. Nghi lễ được thực hiện nhằm sử dụng “oai lực” của tôn giáo để trấn an tinh thần của người phụ nữ sắp sinh con và cũng nhằm củng cố niềm tin của

các thành viên trong gia đình vào sự màu nhiệm của tôn giáo mà họ đang theo khi người phụ nữ và đứa trẻ được mạnh khỏe sau khi sinh.

*** Lễ đầy tháng**

Người Khmer ở Nam Bộ gọi lễ đầy tháng là *Pro Kok Pro Sét*, nghĩa là lễ chúc phúc, đặt tên cho con. Tuy nhiên, trước khi diễn ra lễ đầy tháng, người Khmer còn có lễ khác, gọi là lễ *Pót Si Ma* (lễ buộc chỉ ranh giới). Lễ này được tổ chức ngay sau khi đứa trẻ được sinh ra. Người nhà mời vị Achar đến nhà làm lễ buộc chỉ ranh giới ngay giường hoặc phòng của người phụ nữ và đứa trẻ mới sinh, nhằm hạn chế người lạ mang điều không may đến cho hai mẹ con. Sau 7 ngày, làm lễ để cắt bỏ chỉ buộc ranh giới. Lúc này, người ngoài có thể đến thăm và chúc phúc cho hai mẹ con. Theo khảo sát của chúng tôi, lễ *Pót Si Ma* hiện nay không còn phổ biến, do hầu hết phụ nữ Khmer đều sanh con tại bệnh viện và đứa trẻ đã tiếp xúc với nhiều người lạ ngay sau khi chào đời, nên việc kiêng cử này không còn phù hợp. Hiện nay, người Khmer chỉ tổ chức lễ *Pro Kok Pro Sét* khi đứa trẻ được 30 ngày tuổi, tính từ ngày ra đời.

Lễ *Pro Kok Pro Sét* được tổ chức ngay tại gia đình của đứa trẻ. Achar được mời đến tụng kinh chúc phúc cho người mẹ và đứa trẻ. Trong lễ này, vị Achar thực hiện nghi thức *Hao Prô Lung* (gọi hồn cho đứa trẻ). Vị Achar đứng ở đầu giường đứa trẻ, hai tay cầm hai đầu sợi chỉ đỏ đã được trì

chú đưa ngang đầu của đứa trẻ, rồi ngoắt ra ngoài bảy lần, ngụ ý cầu cho những điều xấu, rủi ro, bệnh tật được tiêu tan; tiếp theo ngoắt vào bên người đứa trẻ 19 lần, ngụ ý cầu cho 19 linh hồn luôn an trú hỗ trợ cho bình an (người Khmer quan niệm trong thân xác mỗi người luôn có 19 phần hồn an trú để giữ sự bình an cho người đó). Kế tiếp, buộc sợi chỉ vào tay đứa trẻ với ngụ ý giữ chắc 19 phần hồn trong cơ thể; rồi tụng kinh chúc phúc, cầu bình an cho đứa trẻ. Tiếp theo là đặt tên cho đứa trẻ. Cha của đứa trẻ trình tên đã được thống nhất cho vị Achar để ông trình với tổ tiên, ông bà và mọi người, tên này được sử dụng chính thức cho đứa trẻ.

Sau nghi lễ, người mẹ và trẻ sơ sinh được ra khỏi phòng, gặp và tiếp xúc với mọi người trong cộng đồng; đứa trẻ được tổ tiên, ông bà thừa nhận, cộng đồng biết tên và họ cùng nhau chúc phúc, và sẽ chăm sóc, dạy bảo đứa trẻ theo quy chuẩn văn hóa của cộng đồng tộc người.

*** Lễ xuất gia**

Lễ này thường dành cho nam giới người Khmer ở Nam Bộ. Bé trai khi lên 9 tuổi thường phải vào chùa làm giới tử để học giáo lý, đạo đức, lối sống theo quan điểm Phật giáo Nam tông trong khoảng vài năm, sau đó mới gọi là người trưởng thành. Đây là nghĩa vụ của nam giới Khmer.

Khi trẻ em nam bước vào tuổi này, cha mẹ hoặc người trong gia đình vào chùa, gặp sư trụ trì để xin phép cho con trai của họ được xuất gia làm giới

tử trong chùa. Lời xin phép với sư trụ trì thường là “xin cho phép gia đình con dâng cả máu và thịt, con chỉ xin xương cốt, da và mắt đem về” (Tư liệu điền dã, năm 2018). Thời gian nghi lễ xuất gia tùy theo mỗi chùa, nhưng thường sẽ vào các dịp lễ như Chôl Chhnăm Thmây, hay ngày Rằm của các tháng Vêsak (tháng 4 âm lịch), tháng Chés (tháng 5 âm lịch), tháng ASath (tháng 6 âm lịch), hoặc vào mùa An cư kiết hạ của Phật giáo Nam tông Khmer. Các chùa ở Trà Vinh thường làm lễ xuất gia vào Rằm tháng Vêsak, còn các chùa ở Kiên Giang thường thực hiện lễ xuất gia vào dịp Tết Chôl Chhnăm Thmây và mùa An cư kiết hạ.

Một ngày trước khi làm lễ xuất gia tại chùa, gia đình của đứa trẻ làm lễ tại nhà để trình báo với tổ tiên, ông bà và người thân trong dòng họ, xóm giềng. Buổi lễ có mâm hoa quả và các sợi chỉ đỏ để làm nghi thức buộc chỉ tay (Lok Chey Suós). Achar thực hiện nghi lễ với sự tham dự của người thân, bà con dòng họ, xóm giềng. Sau khi dâng vật phẩm để cúng và trình báo tổ tiên, tụng kinh chúc phúc..., vị Achar thực hiện nghi thức buộc chỉ tay cho người chuẩn bị xuất gia. Nghi thức này giống nghi thức buộc chỉ tay trong lễ đầy tháng, và cũng mang ý là giữ cho 19 phần hồn luôn an trú trong thể xác của người chuẩn bị xuất gia để được bình an. Những người tham dự buổi lễ lần lượt buộc chỉ tay cho người sắp xuất gia để hướng đến việc cầu phúc và gửi kèm theo ít tiền để người

xuất gia sử dụng vào những việc cần thiết trong thời gian tu tại chùa.

Sáng hôm sau, trước khi đưa người chuẩn bị xuất gia đến chùa làm lễ xuất gia, mọi người cùng nhau làm lễ trai tăng, cầu siêu hồi hướng phước báu đến ông bà tổ tiên và các vong linh tại gia đình. Tại chùa, sư trụ trì cùng tăng chúng trong chùa tổ chức lễ xuất gia, thọ giới phẩm sadi cho thành viên mới. Người xuất gia với giới phẩm sadi được ở trong chùa, được học giáo lý, đạo đức, lối sống theo quan điểm Phật giáo Nam tông Khmer và học nghề. Sau vài năm (thường từ 3 đến 5 năm), người xuất gia có thể hoàn tục; nếu tiếp tục tu đến hơn 20 tuổi sẽ được thọ “cụ túc giới”, sẽ đạt giới phẩm tỳ khưu và tiếp tục con đường tu học của mình.

Khi hoàn tục, người Khmer gọi là xuất tu, phải thực hiện lễ hoàn tục nhằm xả giới, từ giã thầy, các vị tăng và từ giã si ma - phạm vi thiêng trong tu hành. Lễ xuất tu được tổ chức trong chánh điện trước sự chứng kiến của các vị tăng, phật tử trong cộng đồng, của người thân, bà con trong dòng họ. Người xuất tu trở về, gia đình làm mâm cơm dâng cúng tổ tiên và mời bà con, xóm giềng đến dự để chứng kiến việc người con của họ đã hoàn thành nhiệm vụ làm giới tử trong chùa. Những người đến dự cùng nhau chúc phúc cho người xuất tu. Từ đây, người này được cộng đồng chính thức công nhận đã trưởng thành vì đã thọ lãnh được giáo lý, đạo đức và đời sống tốt đẹp theo nguyên

tắc của tôn giáo mà cộng đồng đang theo.

*** Lễ vào bóng mát**

Người Khmer gọi lễ này là *Chôl Mlúp*, là lễ dành cho nữ giới. Khi người con gái đến tuổi trưởng thành, xuất hiện kỳ kinh nguyệt đầu tiên, phải thực hiện nghi lễ này. Lễ này được thực hiện ngay tại gia đình của cô gái. Người mẹ bắt cô gái vào phòng trong cùng của ngôi nhà, đóng tất cả cửa lại, không cho tiếp xúc với người ngoài và cấm người ngoài bước vào phòng của cô gái. Khi cô gái được đưa vào phòng, cha của cô sẽ trồng một cây chuối ngay cạnh phòng đó, chờ khi cây chuối trở quày (buồng chuối), thời gian vào bóng mát của cô gái sẽ kết thúc. Trong thời gian này, cô gái không được ra ngoài, nhưng nếu có việc bắt buộc ra ngoài, cô gái phải dùng khăn choàng che kín mặt và không được nhìn người xung quanh (Thạch Xuyên Ba, 2015).

Trong thời gian vào bóng mát, cô gái được mẹ dạy cho những điều liên quan đến cuộc sống của một gia đình như cách làm vợ, làm mẹ, cách xây dựng gia đình sau khi lấy chồng; dạy may, vá...

Khi kết thúc thời gian vào bóng mát, gia đình sẽ mời vị Achar đến làm lễ trước sự chứng kiến của người thân và xóm giềng của cô gái. Theo miêu tả của Thạch Xuyên Ba (2015), “Vị Achar trải tấm đệm giữa nhà, rải gạo khắp chiếc đệm, rồi gom lại thành đống. Trong đống gạo đã vùi sẵn một số vật dụng, như: cái thoi, cái muỗng, cái ve chai, chiếc nhẫn vàng... Suốt

thời gian diễn ra lễ, cô gái ngồi trên đống gạo. Achar đọc kinh vẩy tük op rồi cột sợi chỉ đỏ vào cổ tay cô gái (gọi là phât tük chon đây), sau đó công bố với mọi người cô gái đã ‘ra bóng mát’, cô gái đưa tay vào lấy vật để trong gạo ra. Vị Achar căn cứ vật cô gái lấy được mà đoán tương lai cho cô. Tiếp theo dưới sự chỉ dẫn của Achar, cô gái làm một số nghi thức về lễ tơ hồng, bên cạnh cái gương soi tượng trưng cho người chồng. Khi ấy, dàn nhạc tấu lên những bản nhạc vui, một số người ca múa... Ca múa chấm dứt, cô gái ra sân cúi chào Mặt trời như chào người chồng mà sau này cô sẽ chào trong ngày đám cưới”.

Hiện nay, lễ vào bóng mát của người Khmer ở Nam Bộ không còn, nhưng việc học về những điều liên quan đến cuộc sống gia đình vẫn được người mẹ và các thành viên nữ lớn tuổi trong gia đình truyền dạy nhằm mong muốn con gái của họ trở thành người tốt và hữu ích trong xã hội.

*** Hôn lễ**

Người Khmer gọi là *Pi Thi A Pea Pi Pea* với nhiều lễ thức quan trọng như *lễ dạm ngõ* (Pi Thi Sđây Đon Đang), *lễ ăn hỏi* (Pi Thi Si Sla Kon Sêng), *lễ cưới* (Pi Thi A Pea Pi Pea). Đây được xem là nghi lễ quan trọng không chỉ dành cho đôi nam nữ kết hôn mà còn quan trọng đối với cha mẹ, dòng họ đôi bên và cả con cái của đôi nam nữ sau này.

Người Khmer có câu “Num min thum cheang neal”, nghĩa là bánh không bao giờ lớn hơn khuôn. Câu này

mang hàm ý là con cái phải nghe lời cha mẹ trong việc dựng vợ gả chồng. Do đó, trong hôn nhân, người Khmer luôn chú trọng đến việc xứng đôi, vừa lứa. Cha mẹ luôn chọn chàng trai, cô gái phù hợp để hỏi cưới cho con của mình. Bởi vì, họ quan niệm buôn bán thất 3 tháng, làm ruộng thất 3 năm, nhưng lập gia đình nếu thất bại sẽ là thất bại cả cuộc đời. Vì vậy, việc dựng vợ, gả chồng luôn là điều quan trọng, phải chọn những người có đạo đức, có lối sống tốt đẹp phù hợp với giáo lý tôn giáo và quy chuẩn của cộng đồng.

Sau khi đôi nam nữ đã được gia đình hai bên đồng ý cho kết thành vợ chồng, xây dựng gia đình mới; cha mẹ của gia đình nhờ vị Achar chọn ngày lành, tháng tốt để tổ chức các nghi lễ.

- *Trước tiên là lễ dạm ngõ.* Lễ dạm ngõ tổ chức tại nhà gái. Nhà trai sang nhà gái gồm người mai mối, chú rể, cha mẹ, vài người trong gia đình và người bưng mâm lễ vật. Người được chọn bưng mâm lễ thường là người có cha mẹ, có cưới hỏi đầy đủ. Lễ vật gồm có: bánh, trái cây, trà, rượu, trầu cau, và được sắp theo số chẵn. Tại lễ dạm ngõ, hai bên gia đình thống nhất ngày tổ chức lễ ăn hỏi và lễ vật nhà trai mang sang nhà gái.

- *Tiếp theo là lễ ăn hỏi* (Pi Thi Si Sla Kon Sêng). Lễ này cũng tổ chức tại nhà gái. Nhà trai mang đến nhà gái những lễ vật đã thống nhất ở lễ dạm ngõ, gồm: rượu, thịt, bánh trái, quần áo, nhẫn, đôi bông tai và số tiền dẫn cưới để cô dâu sắm sửa quần áo trước khi cưới. Nhà trai sang dự lễ ăn

hỏi, gồm: người trong gia đình, chú rể, họ hàng, bạn bè của chú rể và vị Achar - người chủ lễ. Nhà gái cũng mời họ hàng, bạn bè của cô dâu và vị Achar của bên nhà gái.

Bắt đầu buổi lễ ăn hỏi, trước sự chứng kiến của họ hàng và bạn bè hai bên gia đình, hai vị Achar đại diện cho hai gia đình tiến hành trao lễ vật và có những lời đối đáp về lễ nghi với nhau. Tại buổi lễ này, nhà trai thông báo ngày làm lễ cưới, giờ đón dâu; và cũng thống nhất đôi vợ chồng trẻ sẽ ở nhà cha mẹ cô dâu hay cha mẹ chú rể, hoặc ở riêng. Kết thúc lễ đối đáp của hai vị Achar, nghi thức ăn trầu (Si Mlu Sla) của cha mẹ cô dâu và chú rể diễn ra. Kể từ đây, hai bên gia đình được xem là thông gia. Trong lễ ăn hỏi, nhà gái làm cơm dâng cúng tổ tiên và đãi nhà trai.

Sau lễ ăn hỏi, chàng rể tương lai sẽ ở nhà gái, nhưng không được gần cô dâu tương lai, để hỗ trợ công việc bên nhà gái. Nếu nhà gái nhận thấy, chú rể tương lai quá lười biếng hoặc tỏ thái độ bất kính với gia đình vợ, thì nhà gái có quyền từ hôn và lễ cưới sẽ không diễn ra. Hiện nay hình thức chú rể ở lại nhà vợ sau lễ ăn hỏi rất hiếm, do chú rể và cô dâu tương lai phải lo làm việc bên ngoài xã hội.

- *Lễ cưới* (Pi Thi A Pea Pi Pea) cũng được tổ chức bên nhà gái. Người Khmer thường tổ chức lễ cưới trong ba ngày với nhiều nghi thức như:

+ Ngày thứ nhất: Nhà trai cử người sang hỗ trợ nhà gái dựng rạp, trang trí, sắp xếp lễ vật trên bàn thờ Phật. Nhà

gái cúng 2 mâm cơm, xin phép tổ tiên cho con gái đi lấy chồng. Sau đó, họ lấy chỉ đỏ cột tay cô gái để hôn vía không bất ngờ rời thể xác và đủ sáng suốt khi về nhà chồng. Tại nhà trai chuẩn bị: khay trầu, thanh đao nhỏ, 1 ngọn đèn dầu, 1 cặp gối mới, 2 miếng vải có màu sắc khác nhau, hoa quả. Người Khmer tin rằng, những lễ phẩm này sẽ mang đến mang hạnh phúc và may mắn cho đôi vợ chồng trẻ.

+ Ngày thứ hai: Tại nhà trai, dâng cúng tổ tiên 2 mâm cơm tỏ lòng tri ân và xin phép cho con trai được đi cưới vợ. Ngày này có các vị tăng đến tụng kinh chúc phúc, và Achar làm lễ gọi hồn (Hao Prô Lưng) cho chú rể. Khi bàn tay úp, ông quét chỉ ra ngoài 7 lần (quét từ trong cổ tay ra các đầu ngón) với ý nghĩa xua đi những điều rủi ro. Khi bàn tay ngửa, ông quét sợi chỉ trở vào 9 lần (từ đầu các ngón vào cổ tay) với ý nghĩa đem đến điều an vui, hạnh phúc, tấn tài, tấn lộc cho chú rể. Đến giờ đã định, với một hồi cồng báo hiệu, nhà trai gồm: người đại diện (thường là người trưởng họ, gọi là Ha Ma), cha mẹ của chú rể, chú rể, người trong gia đình, bạn bè chú rể cùng sang nhà gái. Trên đường đi, chú rể phải luôn đọc chú nguyện đã được vị Achar hướng dẫn trước để cầu mong nhận được sự an vui, hạnh phúc và thành tựu như ý. Khi đến cổng nhà gái, đoàn người dừng lại để thực hiện nghi thức *múa mở cổng rào* (*Rom Boc Rô Boong*) và bày một bàn lễ vật. Ma Ha đại diện nhà trai cúng tạ ơn thần linh, đất đai thổ trạch và thuyết phục nhà gái mở

cổng 3 lần. Sau điệu múa mở cổng rào (3 lần), nhà gái cùng cô dâu, phù dâu mở cổng. Chú rể trao bông cau cho cô dâu, nhà trai thực hiện nghi thức xin được vào nhà bằng cách bày các lễ vật đã chuẩn bị. Ông Ma Ha trình bày lý do nhà trai đến và dâng lễ vật, nhà gái cử đại diện đáp lời, nhận lễ vật và cho phép nhà trai bước vào nhà. Khi mọi người đã an vị, ông Ma Ha vừa múa vừa hát và cầm kéo cắt một ít tóc (*Pi Thi Cắt Sók*) của cô dâu và chú rể bỏ vào giỏ được kết bằng lá chuối, sau đó vút đi nhằm mang ngụ ý bỏ đi những điều rủi ro, tai hại. Tiếp theo, ông Ma Ha dâng mâm rượu, gà luộc, hương đăng cúng *Neak Ta*, các vị tăng tụng kinh và rải nước thơm chúc phúc cho cô dâu, chú rể. Trong lễ tụng kinh, cô dâu và chú rể mặc trang phục truyền thống, ngồi chấp tay chú tâm cầu nguyện. Kế đến mẹ cô dâu thực hiện nghi thức *mở hoa cau* (Cắt Pho-ca Sla). Đặt hoa cau trên tấm khăn, bà thắp 3 nén hương cầu nguyện cho cô dâu, chú rể luôn được an vui, hạnh phúc. Sau đó, bà thoa nước thơm lên hoa cau, vuốt 3 lần và dùng móng tay cái rạch 3 đường dọc theo hoa cau để tách lấy hoa. Đây được xem là nghi thức trang trọng trong đám cưới, vì màu trắng của hoa cau tượng trưng cho sự trong trắng của người con gái và cũng nhằm thể hiện lòng biết ơn của cô dâu, chú rể đối với cha mẹ.

Sau đó chú rể thực hiện nghi thức mời trầu cho cha mẹ cô dâu. Nghi thức này được thực hiện 3 lần. Lần thứ

nhất, chú rể lấy tạ ơn và dâng khay trầu cho cha mẹ cô dâu. Mẹ cô dâu nhận lấy rồi trao cho người thân quan trọng trong dòng họ. Lần thứ hai, chú rể lấy tạ và dâng mâm trầu như lần thứ nhất. Cha cô dâu nhận lấy rồi lại truyền cho người thân. Lần thứ ba, chú rể cũng làm như hai lần trước. Mẹ cô dâu nhận lấy và truyền cho mọi người còn lại. Những người tham dự khi nhận được mâm trầu từ cha mẹ cô dâu đều tự tẽm một miếng để ăn nhằm mừng hạnh phúc đôi lứa. Khi chú rể dâng trầu, cô dâu chấp tay ngồi bên cạnh để nghe vị Achar răn dạy đạo lý làm con, làm chồng làm vợ... Sau khi xong nghi thức này, mọi người cùng dự tiệc và nghỉ ngơi tại nhà gái để chờ đến ngày hôm sau thực hiện các nghi thức còn lại.

+ Ngày thứ ba: Khi mặt trời vừa mọc, nhà gái chuẩn bị mâm lễ vật để dâng cúng chư thiên ngay trước cổng nhà nhằm lấy giờ lành. Cô dâu, chú rể trong trang phục truyền thống (không phải trang phục cưới) cùng với người thân và vị Achar làm lễ để cầu nguyện được an vui, hạnh phúc. Khi lễ xong cô dâu đi về phòng; chú rể chờ để được rước vào nhà. Đoàn rước chú rể gồm một người cầm thanh đao nhỏ đi trước; ba người bưng 3 bình hoa cau theo sau; kế đến là ông Ma Ha, chú rể (có lọng hoặc dù để che chú rể) và người thân. Khi vào nhà, chú rể được ngồi ở nơi trang trọng, lần lượt lấy tạ ơn và dâng 3 bình hoa cau cho cha, mẹ và anh của cô dâu. Cô dâu được đưa ra ngồi cạnh chú rể để thực hiện

nghi thức *truyền 7 đèn cây (Pi Thi Boong Quâl Pô Pul)*. Đèn cây tượng trưng cho Linga của Pread Ây Sô được gắn vào tờ giấy màu cứng tượng trưng cho Yoni của nàng Ôm Pha Ka Va Tây (vợ của Preah Ây Sô). Ông Ma Ha thắp đèn cây, mọi người đứng xung quanh cô dâu và chú rể chuyền 3 vòng với lời chúc an vui, hạnh phúc. Tiếp theo, ông Ma Ha tay cầm thanh đao vừa múa, vừa hát và dùng mũi đao mở chiếc khăn che trên mâm trầu cau. Nghi thức này gọi là *mở mâm trầu cau* (Bók Bay Sây), hàm ý nói lên sức mạnh của chính nghĩa luôn thắng gian tà, hạnh phúc chân chính luôn được sức mạnh của chính nghĩa bảo vệ, che chở. Đây là nghi thức công nhận hai người chính thức thành vợ chồng và chung sống chung thủy trọn đời với nhau như sự gắn bó của trầu và cau. Sau nghi thức này, cô dâu cùng mẹ của mình đi vào phòng của cô dâu. Sau đó, hai người phụ nữ đại diện cho nhà trai bưng mâm trầu vào phòng xin phép rước cô dâu ra ngồi cạnh chú rể để tiếp tục thực hiện nghi thức *buộc chỉ tay* (Choong Day). Ông Ma Ha đọc kinh và dùng chỉ quét trên tay của cô dâu và chú rể từ trong ra ngoài 7 lần nhằm xua đi những điều rủi ro; sau đó lại quét từ ngoài vào trong 9 lần nhằm đem đến điều tốt đẹp, hạnh phúc cho hai người. Tiếp theo, ông Ma Ha vừa múa hát vừa mời mọi người đến buộc chỉ vào cổ tay của cô dâu, chú rể để chúc phúc. Kết thúc nghi thức này, ông Ma Ha lấy 3 bình hoa cau đưa cho mọi người rắc lên cô dâu, chú rể và lối đi vào phòng

tân hôn nhằm cầu chúc cho tình nghĩa vợ chồng luôn được nồng ấm. Nghi thức này được gọi là *rải hoa cau* (*Bách Pho-ka Sla*). Sau đó, cô dâu và chú rể chấp hai tay, cúi đầu chào nhau và bước vào phòng tân hôn. Cô dâu đi trước, chú rể theo sau nắm lấy vạt áo của cô dâu. Nghi thức này bắt nguồn từ truyền thuyết Pread Thôn nắm vạt áo Neang Nek khi xuống thủy cung ra mắt vua cha là Long vương. Lúc cô dâu, chú rể đi vào phòng, ông Ma Ha cầm lấy thanh đao múa điệu múa cuốn chiếu (*Răm Sa Kanh Têl*) ngụ ý xua đuổi những điều không may đến với cô dâu, chú rể và gia đình hai họ. Sau đó, cô dâu và chú rể thay đổi trang phục để ra ngoài tiếp khách. Đến khoảng 19 giờ, nghi thức *chung giường* (*Pho-som Đom Neak*) được diễn ra. Mâm lễ dành cho nghi thức này là bánh, trái (chuối chín, trái dừa tươi) và trầu cau. Hai người phụ nữ lớn tuổi có gia đình hòa thuận, hạnh phúc (thường là người thân cô dâu) được mời để thắp đèn, múc nước dừa, lột trái chuối chia đôi cho cô dâu và chú rể cùng ăn nhằm mang ý nghĩa cùng chia sẻ khó khăn, ngọt lành trong cuộc sống. Sau cùng, hai người phụ nữ này mời hai vợ chồng vào giường (người vợ đi trước, người chồng theo sau) và chỉ bảo cách sống, cách tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Đây là nghi thức cuối cùng trong hôn lễ của người Khmer ở Nam Bộ.

Đôi vợ chồng trẻ này sẽ có cuộc sống mới, họ có thể sống tại gia đình cha

mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, hay ra ở riêng tùy vào sự thỏa thuận từ lễ ăn hỏi.

*** Lễ chúc thọ**

Với người Khmer, lễ chúc thọ không nhất thiết phải đủ 60 tuổi. Con cháu tổ chức lễ chúc thọ cho người thân khi thấy người đó sức yếu, thường xuyên đau bệnh. Đối với các vị giáo phẩm trong chùa và có tuổi hạ lạp⁽¹⁾ từ 40 trở lên hoặc tuổi đời từ 60 trở lên sẽ được đệ tử xuất gia và phật tử của chùa tổ chức lễ chúc thọ; trường hợp vị giáo phẩm bị bệnh trong thời gian dài, nhưng tuổi hạ lạp hoặc tuổi thọ chưa đến thời gian quy định vẫn được tổ chức lễ chúc thọ. Mục đích của lễ chúc thọ nhằm để cầu an, hồi hướng và tăng phước báu cho người thụ lễ. Lễ chúc thọ gồm các nghi thức: cầu an, sám hối, chúc thọ. Trong lễ chúc thọ, con cháu hoặc đệ tử xuất gia, Phật tử sẽ thực hiện nghi thức *mộc dục* (tắm gội) cho người thụ lễ. Chuẩn bị một thau lớn nước sạch (nước không quá nóng, quá lạnh) có pha dầu thơm, hoa thơm và đã được trì chú; người thụ hưởng ngồi trên ghế; con cháu, đệ tử xuất gia, hoặc phật tử thay nhau múc từng gáo nước thơm tưới lên; vừa tưới vừa cầu chú an lành. Sau đó, người thụ lễ thay y phục mới để thực hiện cầu an, sám hối, quán tưởng để được tăng trưởng quả phước. Người tham dự lễ cùng đọc kinh cầu an cho người thụ lễ. Sau đó, người thân thực hiện nghi thức báo hiếu bằng cách tặng vật phẩm, chúc phúc, cầu mong sự an lành.

* *Tang lễ*

Người Khmer gọi lễ tang là Pi Thi Bôn Sóp. Khi trong nhà có người sắp qua đời, người nhà sẽ rước vị Achar đến thực hiện *ngghi thức dẫn đường* (Năm Pho-lâu). Vị Achar nối một sợi chỉ trắng từ đầu giường người hấp hối đến *khay lễ* (Tùm-rông) đặt hướng đông bắc. Sau đó, thỉnh các vị tăng đến tụng kinh. Con cháu ngồi xung quanh giường cùng lắng nghe và hồi hướng quả phước cho người hấp hối. Nghi thức này nhằm trợ duyên, chuyển nghiệp cho người sắp qua đời.

Khi người hấp hối trút hơi thở cuối cùng, gia đình thỉnh chư tăng đến tụng kinh để đưa người chết về cảnh giới an lạc (Oi-Pô-Tức). Sau đó, gia đình tiến hành các nghi thức tiếp theo trong tang lễ.

Vị Achar được mời đến để chọn ngày, giờ lành tổ chức tang lễ và thực hiện nghi thức trong lễ tang. Tang lễ của người Khmer ở Nam Bộ thường diễn ra trong 3 ngày 2 đêm (tính từ ngày chết).

- *Đầu tiên là nghi thức khâm liệm*. Gia đình mời các vị tăng đến tụng kinh khâm liệm và nhập quan. Vị Achar và các vị đạo tỳ (neak-phlúc) dùng vải trắng bọc thi thể người quá cố và dùng dây vải trắng buộc thành 5 đoạn trên thi thể, tượng trưng cho 5 sự ràng buộc của đời người, gồm: con, cháu, vợ chồng, tài sản, cha mẹ; nhưng các dây này đều không được thắt nút, nhằm tượng trưng cho sự buông bỏ những ràng buộc để thanh thản về với cõi an lành. Sau đó, vị Achar, các đạo

tỳ thực hiện *ngghi thức quán tưởng* (Boong-quâl-pô-pul) cho người quá cố với các điều cần nhớ như quán tưởng về Phật, pháp, tăng, về bố thí, về trì giới, về thân, về sự chết... Tiếp theo, thi thể được đưa vào áo quan. Trong áo quan có đặt 3 nẹp bằng ván hoặc bằng tre, tượng trưng cho 3 cõi: cõi người, cõi trời và cõi niết bàn; và làm bệ đỡ thi hài. Kế tiếp, con cháu thắp nhang, tay cầm miếng trầu cau phát nguyện từ biệt rồi đặt vào quan tài, vị Achar đóng nắp quan tài lại, kết thúc nghi thức khâm liệm.

- *Tiếp theo là nghi thức xin phép*. Vị Achar chuẩn bị các mâm lễ cúng đất đai thổ công (Kroong Pea Li), cúng Neak Ta để xin phép được tổ chức tang lễ; kế đó cúng và mời chư thiên (Tho-vai Đong Quai Tê Vđa) đến chứng minh, hồi hướng phước báu cho người chết; tiếp đến là nghi thức lễ bái tam bảo, thỉnh các vị tăng tụng kinh cầu siêu, cầu an và thuyết pháp.

- *Nghi thức động quan và đưa tang*: Đến giờ động quan, vị Achar thỉnh các vị tăng làm lễ cầu siêu; sau đó thực hiện lại nghi thức quán tưởng để bắt đầu động quan và đưa tang. Đội hình đưa tang được xếp theo thứ tự: kiệu Á Phi Thom (nơi vị sư trụ trì ngồi) đi trước, kế đến là người thân bưng di ảnh, tiếp theo là người đội lễ vật (Tean Tbông), rồi đến người bắn cung (người tu trước lửa), người rải nếp rang, bông gòn (bách leach), người thân đội dây tranh đan (So-bâu Pho-lăng) được nối từ kiệu Á Phi Thom đến quan tài; đi sau cùng là xóm giềng.

- *Nghi thức hỏa táng*: Khi đoàn đưa tang đến đài hỏa táng, vị Achar và đoàn đạo tỳ khiêng quan tài đi quanh đài hỏa táng 3 vòng, rồi đặt quan tài trên đài hỏa táng. vị sư trụ trì tụng kinh để quán tưởng về sự vô thường của đời người. Sau khi tụng xong, vị Achar châm lửa. Lúc này *người tu trước lửa* (Buốt Múc Pho-lơng) sẽ phải ngồi thiền ngay đài hỏa thiêu để thực hiện nghi thức quán tưởng, hồi hướng phước báu nhằm tăng quả phước cho người mất được tái sinh vào cõi an lành. Người này phải ngồi cho đến khi thu cốt của người quá cố.

Khi thu cốt về, gia đình tổ chức *đại lễ cầu siêu* (Ma ha Chhac Băng Skôl), *lễ trai tăng* (Đa Chho-lon Bun) để hồi hướng phước báu cho người đã mất. Sau đó, vị Achar thực hiện *nghi thức qua thời* (Chho-lon Brah Kal), mang ý nghĩa thời gian tang lễ đã kết thúc.

3. CHỨC NĂNG CỦA NGHI LỄ VÒNG ĐỜI TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI CỦA NGƯỜI KHMER Ở NAM BỘ

Theo quan điểm của Radcliffe-Brown: “Chức năng của mỗi tập tục là vai trò mà nó nắm giữ trong việc duy trì sự toàn vẹn của hệ thống xã hội” (dẫn theo Robert Layton, 1997: 28). Ông nhấn mạnh, khi nghiên cứu tập tục, cần phân tích chức năng *xác định vai trò của chúng trong sự ổn định của xã hội* (Radcliffe-Brown, 1951). Đối với người Khmer, sự ổn định đó được thể hiện cụ thể qua việc xác định sự chuẩn mực của cộng đồng, sự giáo dục của thế hệ, tính cố kết tộc người và giữ gìn, bảo lưu văn hóa truyền thống tộc người.

*** Quy chuẩn của cộng đồng qua nghi lễ vòng đời**

Quy chuẩn của cộng đồng được quy định bởi giá trị văn hóa và giá trị tôn giáo của tộc người. Người Khmer ở Nam Bộ hiện nay có trên 90% theo Phật giáo Nam tông, do đó, các quy chuẩn của cộng đồng đều dựa trên quy chuẩn của Phật giáo Nam tông, trong đó có nghi lễ đời người.

Mỗi nghi lễ được diễn ra đều có vai trò của các vị tăng và Achar. Trong đó, các vị tăng giữ vai trò thực hiện nghi lễ, hoằng pháp, như: tụng kinh chúc phúc, cầu an, cầu siêu; còn Achar giữ vai trò tổ chức, lo việc hướng dẫn và thực hành nghi lễ mang tính “mật pháp” của tôn giáo, như: trì chú, cột chỉ tay, gọi hồn, cúng dâng lễ, quán tưởng... Những điều này đã trở thành nguyên tắc và “chuẩn mực” phải tuân thủ theo, nếu không sẽ bị cộng đồng người Khmer ở Nam Bộ xem là “lệch chuẩn”.

Bên cạnh quy chuẩn tôn giáo, giá trị đạo đức và quy chuẩn cộng đồng cũng được xem trọng khi tiến hành các nghi lễ liên quan đến đời người. Điều này được khẳng định qua *nghi lễ xuất gia, vào bóng mát và hôn lễ* của từng cá nhân. Trong đó, lễ xuất gia làm giới tử của nam giới không phải hướng đến việc đi tu trọn đời (nhưng nếu điều này xảy ra là vinh dự của gia đình và cộng đồng) mà hướng đến việc được học giáo lý, đạo đức và lối sống theo nguyên tắc của Đức Phật để trở thành con người có ích cho cộng đồng, xã hội. Một nam giới đã từng xuất gia làm giới tử luôn được

cộng đồng xem trọng, các gia đình có con gái luôn muốn gả con của họ cho những người này. Hoặc lễ vào *bóng mát* của nữ giới cũng nhằm để khẳng định đức hạnh của người con gái, vì đã được người mẹ giáo dục tử tế. Hiện nay, lễ vào *bóng mát* không còn duy trì trong cộng đồng người Khmer ở Nam Bộ, song việc giáo dục đức hạnh dành cho các cô gái trong gia đình luôn được các bà mẹ chú trọng. Điều này thể hiện qua hành vi của cô gái trong cuộc sống, như: sự lễ phép, khiêm nhường, cung kính ở chỗ đông người, nơi trang nghiêm; khả năng quán xuyến công việc nhà, tài may vá, thêu thùa, làm bánh... Đó chính là đức hạnh theo quy định của cộng đồng, và các gia đình có con trai luôn muốn cưới những cô gái như vậy.

Trong hôn lễ, hàng loạt nghi thức diễn ra đều hướng đến sự chuẩn mực về đạo đức của đôi nam nữ. Lễ cưới chỉ diễn ra khi đôi nam nữ này chưa có quan hệ tính dục trước hôn nhân; nếu đã quan hệ, gia đình chỉ tổ chức mâm cơm và tuyên bố với họ hàng về sự thành hôn của đôi trai gái này. Các nghi thức trong lễ cưới như mở cổng rào, xin vào nhà, cắt tóc, cắt hoa cau, truyền đèn cầy, chung giường... tại nhà gái, ngoài việc mang ý nghĩa phong tục, còn mang hàm ý “khai mở lần đầu tiên” trong quan hệ vợ chồng của đôi nam nữ. Mọi thứ đều mới, đều phải được xin phép và được đồng ý, được sự hướng dẫn cụ thể tận tình của những người đi trước có kinh nghiệm. Màu sắc và lễ vật trong đám cưới cũng thể hiện sự mới mẻ, trong

sạch. Đây được xem là quy chuẩn bắt buộc về đạo đức mà cộng đồng luôn hướng đến.

Ngoài ra, quy chuẩn báo hiếu, tạ ơn được thể hiện qua lễ *chúc thọ* và *tang lễ*. Việc thực hiện nghi thức tắm gội, tặng phẩm vật, chúc phúc, chúc bình an dành cho người thụ hưởng nghi lễ chúc thọ đều hướng đến ý nghĩa báo hiếu và đền ơn, đáp nghĩa của con cháu dành cho cha mẹ, của đệ tử dành cho thầy. Bởi, cha mẹ và thầy đã tốn nhiều công sức trong việc sinh thành, dưỡng dục. Các nghi thức: cầu siêu, quán tưởng, tu trước lửa... trong tang lễ nhằm hướng đến sự báo hiếu của người sống dành cho người quá cố, mong muốn giảm bớt tội nghiệp, tăng phần quả phước để được tái sinh vào cõi an lành.

Như vậy, quy chuẩn của cộng đồng về tín ngưỡng, đạo đức luôn được thể hiện một cách rõ ràng qua việc thực hiện các nghi lễ liên quan đến đời người. Đây là một trong những chức năng xã hội quan trọng mà nghi lễ vòng đời thể hiện nhằm duy trì sự toàn vẹn của hệ thống xã hội trong cộng đồng người Khmer ở Nam Bộ.

*** Sự giáo dục trong cộng đồng Khmer Nam Bộ qua nghi lễ vòng đời**

Từ chức năng khẳng định chuẩn mực của cộng đồng nêu trên, nghi lễ vòng đời còn mang tính giáo dục trong cộng đồng. Tính giáo dục đó được thể hiện qua vai trò và vị thế của người thụ hưởng nghi lễ mà gia đình, cộng đồng xã hội dành cho họ để chính bản thân họ cũng như những người khác trong

cộng đồng, đặc biệt là các thế hệ kế tiếp học tập, noi theo.

Với người Khmer, cách giáo dục tốt nhất là noi theo tấm gương mẫu mực của ông bà, cha mẹ. Do đó, việc thực hiện các nghi lễ vòng đời người theo đúng quy chuẩn của cộng đồng cũng là cách mà cha mẹ muốn giáo dục con cái. Việc được cộng đồng xem trọng sau khi hoàn thành các nghi lễ này là thành quả trong giáo dục không chỉ dành cho người thụ hưởng nghi lễ mà còn dành cho các thế hệ tiếp theo sau trong cộng đồng.

Hoặc khi thực hiện các nghi lễ như hôn lễ, chúc thọ, tang lễ... những nghi thức đi kèm trong từng nghi lễ đều hướng đến tính giáo dục về đạo đức, lối sống. Nói cách khác, nghi lễ liên quan đến đời người của cộng đồng Khmer ở Nam Bộ đã thể hiện chức năng giáo dục đạo đức, lối sống theo quy chuẩn của tôn giáo và văn hóa tộc người rất rõ.

*** Sự cố kết và giữ gìn văn hóa của cộng đồng Khmer Nam Bộ qua nghi lễ vòng đời**

- *Thể hiện sự cố kết cộng đồng:* Qua việc tham dự các nghi lễ vòng đời được tổ chức trong cộng đồng người Khmer ở Nam Bộ, chúng tôi nhận thấy mặc dù đây là các nghi lễ liên quan trực tiếp đến cá nhân và gia đình của người thụ hưởng nghi lễ, nhưng đều có sự tham gia tích cực của các thành viên trong cộng đồng, nhất là đối với lễ xuất gia tu học, hôn lễ, tang lễ. Điều này khẳng định, tính cố kết trong cộng đồng Khmer ở Nam Bộ được thể hiện rất cao, do bởi yếu

tổ văn hóa tộc người và văn hóa tôn giáo chi phối.

Trong các nghi lễ vòng đời, người Khmer thường có hành vi cúng dường và đón nhận sự chúc phúc từ các vị tăng; vì quan niệm của người Khmer, cúng dường chư tăng và nhận sự chúc phúc sẽ được phước báu, được an vui, hạnh phúc không chỉ ở kiếp hiện tại mà còn ở cả kiếp sau. Ngoài ra, khi tham dự nghi lễ, những người trong cộng đồng còn góp công sức và vật chất lẫn tinh thần cho cá nhân và gia đình thực hiện nghi lễ để sau đó, các cá nhân và gia đình này đáp lễ lại khi những gia đình khác thực hiện nghi lễ liên quan. Điều này thể hiện tinh thần đoàn kết, hòa hợp của cộng đồng tộc người trong khu vực.

Ngoài ra, qua quan sát chúng tôi nhận thấy, nghi lễ vòng đời của người Khmer còn thể hiện sự bình đẳng giữa các cá nhân và gia đình trong cộng đồng, (nếu các cá nhân và gia đình đó tuân thủ đúng chuẩn mực quy định của cộng đồng). Các nghi thức được tổ chức trong nghi lễ đều được tuân thủ theo nguyên tắc đã được “chuẩn hóa” trong cộng đồng, như là một “thiết chế xã hội” hoàn chỉnh. Tất cả điều này đã tạo nên sự cố kết cộng đồng rõ rệt qua các nghi lễ vòng đời được thực hiện của người Khmer.

- *Thể hiện sự giữ gìn văn hóa truyền thống:* Điều này được khẳng định qua việc duy trì tập quán văn hóa của cộng đồng. Chứng kiến nghi lễ vòng đời người được diễn ra trong nhiều gia đình Khmer ở Nam Bộ, chúng tôi

nhận thấy, sự lặp đi lặp lại của từng nghi thức khi thực hiện nghi lễ. Phỏng vấn nhiều đối tượng tại cộng đồng đều cho thấy họ giải thích ý nghĩa, chức năng của từng nghi thức trong nghi lễ, kể cả sự cảm nhận của bản thân về nghi lễ tương đối giống nhau khi cho rằng chúng thể hiện chuẩn mực, sự giáo dục, truyền thống văn hóa của tộc người. Họ cũng cho rằng sẽ cố gắng duy trì các nghi thức và ý nghĩa của các nghi thức này trong việc thực hiện nghi lễ để bảo lưu văn hóa truyền thống của tộc người.

Tuy nhiên, có những nghi lễ, nghi thức đã bị mai một hoặc không còn. Nguyên nhân là do môi trường sống thay đổi nên một số nghi thức bị lược bỏ. Thực tế, sự mất đi hoặc bỏ bớt một số nghi thức trong các nghi lễ vòng đời vẫn không làm mất đi các chức năng vốn có của nghi lễ. Do đó có thể khẳng định, nghi lễ vòng đời

của người Khmer ở Nam Bộ hiện nay vẫn thể hiện đầy đủ những chức năng xã hội quan trọng.

4. KẾT LUẬN

Nghi lễ vòng đời của người Khmer ở Nam Bộ được thể hiện cụ thể qua các nghi lễ như *lễ liên quan đến sinh nở, đầy tháng, xuất gia, vào bóng mát, hôn lễ, chúc thọ, tang lễ*. Các nghi lễ này thường được thực hiện với nhiều nghi thức thể hiện các quan niệm về văn hóa, ý thức và tôn giáo của người Khmer. Việc thực hiện các nghi lễ không chỉ có ý nghĩa đối với đời sống của cá nhân người thụ hưởng nghi lễ mà còn có chức năng xã hội đối với cộng đồng như thể hiện các quy chuẩn của cộng đồng, giáo dục thế hệ sau, cố kết và giữ gìn văn hóa truyền thống. Đây là những chức năng quan trọng nhằm duy trì sự toàn vẹn hệ thống xã hội của người Khmer ở Nam Bộ. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Tuổi hạ lap là tuổi thực hiện an cư kiết hạ. Sau khi trải qua một mùa an cư kiết hạ được xem là một tuổi hạ lap.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Danh Lùng. 2017, 2018, 2019. Tư liệu điền dã và tư liệu phỏng vấn người Khmer tại các tỉnh, thành ở Tây Nam Bộ.
2. Đặng Thị Kim Oanh. 2008. *Hôn nhân gia đình của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Luận án Tiến sĩ Dân tộc học. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP HCM.
3. Mai Thị Ngọc Diệp. 2008. *Tang ma của người Khmer An Giang*. Luận văn Thạc sĩ ngành Văn hóa học. Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP HCM.
4. Radcliffe-Brown A.R. 1940. *On Social Structure*. Journal of the Royal Anthropological Institute of Great Britain and Ireland.
5. Radcliffe-Brown A.R. 1951. *The Comparative Method in Social Anthropology*. Journal of the Royal Anthropological Institute of Great Britain and Ireland.

6. Radcliffe-Brown A.R. 1957. *A Natural Science of Society*. Glencoe, Illinois: The Free Press.
7. Robert Layton. 1997. *An Introduction to Theory in Anthropology*. Cambridge University press.
8. Tổng cục Thống kê Việt Nam. 2019. *Bảng số liệu kết quả điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019*. Hà Nội. <http://tongdieutradanso.vn/>, truy cập ngày 15/4/2020.
9. Thạch Xuyên Ba. 2015. *Pithi Chuol mlop - lễ vào bóng mát*. <https://baotintuc.vn/dan-toc-mien-nui/pithi-chuol-mlop-le-vao-bong-mat-20151008142931954.htm>, truy cập ngày 20/12/2019.
10. Trần Văn Bồn. 1999. *Một số lễ tục dân gian người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
11. Trần Văn Bồn. 2002. *Phong tục và nghi lễ vòng đời người Khmer Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.